

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **98/2017/DS-ST**
Ngày 01/9/2017
V/v " Tranh chấp
hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Lý Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Sum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2017/TLST- DS ngày 08 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Bảo T, sinh năm 1978. Địa chỉ: 157E1, ấp An Thuận B, xã MTA, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: 300/10, ấp Bình An B, thị trấn C, huyện C, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 03 tháng 7 năm 2017) (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971. Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: 300/10, ấp Bình An B, thị trấn C, huyện C, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 03 tháng 7 năm 2017) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông có tham gia 05 dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ, cụ thể như sau:

-Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 9 năm 2015 âm lịch, đóng vốn hụi từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 28 tháng 11 năm 2016 được số tiền 49.400.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15 tháng 6 năm 2015 âm lịch, đóng vốn hụi từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 15 tháng 11 năm 2016 được số tiền 9.000.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 05 tháng 7 năm 2016 âm lịch, tháng khai 02 lần, đóng vốn hụi từ ngày 05 tháng 7 năm 2016 đến ngày 20 tháng 12 năm 2016 được số tiền 24.100.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 05 tháng 7 năm 2016 âm lịch, tháng khu 02 lần, đóng vốn hụi từ ngày 05 tháng 7 năm 2016 đến ngày 05 tháng 7 năm 2016 được số tiền 14.300.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15 tháng 11 năm 2016 âm lịch, đóng vốn hụi từ ngày 15 tháng 11 năm 2016 đến ngày 15 tháng 12 năm 2016 được số tiền 4.500.000 đồng.

Tổng số tiền ông đóng cho bà H là 101.350.000 đồng, các dây hụi trên ông chưa hết. Cuối năm 2016 bà H bẻ hụi không còn tiếp tục chơi nữa, bà H làm giấy xác nhận còn nợ ông số tiền trên nhưng đến nay chưa trả cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu bà H và ông C là chồng bà H liên đới trả số tiền trên, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C, người đại diện theo ủy quyền của bà H ông C là ông Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Bảo T, buộc ông Nguyễn Ngọc C bà Nguyễn Mỹ H trả cho ông T số tiền 101.350.000 đồng. Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Ông Dương Bảo T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C trả số tiền hụi còn thiếu nên đây là tranh chấp theo quy định của Bộ luật dân sự.

-Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H cư trú tại số 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C, sau đó là người đại diện theo ủy quyền của bà H ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Ông Dương Bảo T có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ và đóng được số tiền như sau: Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 28 tháng 9 năm 2015 âm lịch, đóng được số tiền 49.400.000 đồng; hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15 tháng 6 năm 2015 âm lịch, đóng vốn hụi được số tiền 9.000.000 đồng; hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 05 tháng 7 năm 2016 âm lịch, đóng vốn hụi được số tiền 24.100.000 đồng; hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 05 tháng 7 năm 2016 âm lịch, đóng vốn hụi được số tiền 14.300.000 đồng; hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15 tháng 11 năm 2016 âm lịch, đóng vốn hụi được số tiền 4.500.000 đồng. Quá trình chơi hụi, đến cuối năm 2016, bà H bế hụi, các dây hụi không còn tiếp tục chơi nữa, số tiền vốn hụi ông T đóng cho bà H là 101.350.000 đồng, bà H làm giấy xác nhận nợ cho ông T vào ngày 25 tháng 12 năm 2016. Ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay bà H chưa trả nợ cho ông là vi phạm nghĩa vụ, nên bà H phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn hụi là 101.350.000 đồng.

[3] Ông Dương Bảo T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C là chồng của bà H có trách nhiệm cùng bà H trả số tiền 101.350.000 đồng. Xét thấy, bà H chơi hụi nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình chung, ông C biết việc bà H chơi hụi và biết việc bà H thiếu nợ nhưng không có ý kiến phản đối, hôn nhân của ông bà vẫn tồn tại. Do đó, buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả tiền 101.350.000 đồng cho ông T.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà H ông C không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của ông T nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Về lãi suất: Ông T chỉ yêu cầu bà H ông C trả tiền vốn hụi, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả. Xét yêu cầu của ông T phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận toàn bộ nên bà H ông C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, cụ thể án phí được tính như sau : $101.350.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.067.500 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật

hôn nhân và gia đình; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ tịch, họ, biểu, phả hệ; Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Nguyễn Mỹ Hằng Nguyễn Ngọc C liên đới trả cho ông Dương Bảo T số tiền vốn hộ tịch là 101.350.000 đ (Một trăm lẻ một triệu ba trăm năm chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Mỹ Hằng Nguyễn Ngọc C liên đới chịu 5.067.500 đ (Năm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Ông Dương Bảo T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.534.000 đ (Hai triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010899 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA - TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu V.Phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Thuở

